CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM DIB

29 Lam Sơn, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN ĐỘC LẬP

INDEPENDENT AUDITING CONSULTING CO., LTD

* *Kiểm toán - Tư vấn Thuế - Kế toán*
* *Tư vấn quản trị - Pháp chế doanh nghiệp*
* *Trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh*
* *Chi nhánh Hà Nội*

Tel : (028) 22200670 - Hotline : 0902 841 780 **Email : manager@auditiac.com - Website: www.kiemtoaniac.vn**

MỤC LỤC

		Trang
1.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
3.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 8
4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
6.	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 18

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Môi Giới Bảo Hiểm DIB (dưới đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Tư cách pháp nhân

Công Ty Cổ Phần Môi Giới Bảo Hiểm DIB (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 88/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 19/05/2021 và giấy phép điều chỉnh số 88/GP/KDBH cấp ngày 09/08/2021. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Trụ sở chính Công ty đặt tại số 29 Lam Sơn, Phường 5, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn

Vốn điều lệ của Công ty: 8.000.000.000 VND (tám tỷ đồng)

Thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc của công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

Hội Đồng Quản Trị

Ông Cao Bá Huy	Chủ tịch
Ông Lê Sơn	Thành viên
Bà Lê Vũ Hoài Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Thùy Dung	Thành viên

Ban Giám Đốc

Ông Cao Bá Huy	Tổng Giám Đốc

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Môi giới bảo hiểm (môi giới bảo hiểm gốc và môi giới tái bảo hiểm)

Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm : tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm

Cam kết của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc khẳng định rằng báo cáo tài chính đã được lập, trình bày trung thực và hợp lý tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trên các khía cạnh trọng yếu và theo đúng các chuẩn mực, các chế độ kế toán được chấp nhận và các quy định có liên quan tại Việt Nam. Để lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Đảm bảo sổ sách kế toán được ghi chép và lưu trữ một cách phù hợp;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo vệ tài sản của công ty, ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và cam kết rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh như hiện tại và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh doanh của mình trong các năm tới.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Lợi ích của các thành viên Ban Giám Đốc

Không có thành viên Ban Giám đốc nào được thụ hưởng hay có quyền thụ hưởng bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài các lợi ích bao gồm các khoản tiền lương, tiền thù lao đã nhận hay các khoản phải trả, phải thu của Ban Giám đốc được trình bày trong báo cáo tài chính, bởi một thỏa thuận nào đó được lập bởi Công Ty Cổ Phần Môi Giới Bảo Hiểm DIB, các công ty có liên quan đến Ban Giám đốc hay với những công ty có liên quan đến các lợi ích về tài chính.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Giám đốc công ty, đến kết quả hoạt động của công ty trong năm tài chính hiện hành.

Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN ĐỘC LẬP (IAC) đã thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công Ty Cổ Phần Môi Giới Bảo Hiểm DIB.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2023

Thay mặt Ban Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM DIB

Cao Bá Huy

Tổng Giám Đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2023

Số: 2380/KTTC-IAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM DIB CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM DIB

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ Phần Môi Giới Bảo Hiểm DIB (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 26/04/2023 từ trang 05 đến trang 18, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

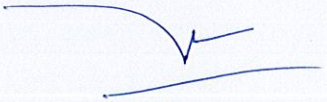
Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ảnh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Môi Giới Bảo Hiểm DIB tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN ĐỘC LẬP
TỔNG GIÁM ĐỐC



MAI THANH HIẾU - CPA
GCN Đăng ký hành nghề Kiểm toán
Số: 0129-2023-033-1

KIỂM TOÁN VIÊN ĐIỀU HÀNH



LÊ THỊ HỒNG THOA - CPA
GCN Đăng ký hành nghề Kiểm toán
Số: 2827-2020-033-1



Mẫu số B01-DNMG
(Theo Thông tư số 175/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2011)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**8.959.637.295**	**-**
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	**110**	V.01	**8.680.376.920**	**-**
1. Tiền	111		8.680.376.920	-
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**30.365.913**	**-**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản phải thu khác	135	V.02	30.365.913	-
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**89.090.909**	**-**
1. Hàng tồn kho	141	V.03	89.090.909	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**159.803.553**	**-**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	159.803.553	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tiền tệ: VND

B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	**200**		**547.501.884**	**8.000.000.000**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**150.000.000**	**8.000.000.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.02	150.000.000	8.000.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**116.627.402**	**-**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	116.627.402	-
- Nguyên giá	*222*		*127.172.727*	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*223*		*(10.545.325)*	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	*225*		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	*228*		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*229*		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**-**	**-**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**280.874.482**	**-**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.04	280.874.482	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**9.507.139.179**	**8.000.000.000**

Mẫu số B01-DNMG
(Theo Thông tư số 175/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2011)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ		SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**694.735.915**	**-**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**694.735.915**	**-**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.06	470.367.533	-
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.07	216.808.382	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.08	7.560.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả nội bộ dài hạn	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng phải trả dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	337		-	-
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	338		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tiền tệ: VND

D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**V.09**	**8.812.403.264**	**8.000.000.000**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.000.000.000	8.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	419		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		771.783.101	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*771.783.101*	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
12. Quỹ dự trữ bắt buộc	423		40.620.163	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**9.507.139.179**	**8.000.000.000**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Cẩm Thi	Đỗ Thị Cẩm Thi	Cao Bá Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM DIB

29 Lam Sơn, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02-DNMG

(Theo Thông tư số 175/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2011)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.01**	**4.663.789.399**	**-**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**4.663.789.399**	**-**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	936.280.000	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**3.727.509.399**	**-**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	107.007.951	-
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	123.292.947	-
- Trong đó : Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	2.695.600.134	-
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	**30**		**1.015.624.269**	**-**
10. Thu nhập khác	31	VI.06	-	-
11. Chi phí khác	32	VI.07	96.151	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(96.151)**	**-**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**1.015.528.118**	**-**
14. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	203.124.854	-
15. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**812.403.264**	**-**
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**70**		**1.016**	**-**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Cẩm Thi	Đỗ Thị Cẩm Thi	Cao Bá Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM DIB

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM DIB
29 Lam Sơn, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03-DNMG
(Theo Thông tư số 175/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2011)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		32.174.725.448	
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(29.635.224.587)	
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.406.561.750)	
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.000.996.960	
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(356.750.060)	(8.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**8.777.186.011**	**(8.000.000.000)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(96.809.091)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(96.809.091)**	**-**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	8.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**-**	**8.000.000.000**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**8.680.376.920**	**-**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		-	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 =50+60+61)	**70**		**8.680.376.920**	**-**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Cẩm Thi	Đỗ Thi Cẩm Thi	Cao Bá Hưu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Môi Giới Bảo Hiểm DIB (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 88/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 19/05/2021 và giấy phép điều chỉnh số 88/GP/KDBH cấp ngày 09/08/2021. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Môi giới bảo hiểm (môi giới bảo hiểm gốc và môi giới tái bảo hiểm)

Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm : tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 12/11/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021.
Các năm tài chính tiếp theo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

- Ban Giám Đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

- Chế độ kế toán áp dụng: Doanh nghiệp thực hiện công tác kế toán theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 175/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2011 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung có liên quan.

- Các chế độ kế toán được áp dụng nhất quán với những chế độ kế toán áp dụng với báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính của công ty được soạn lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.
- Báo cáo tài chính được soạn thảo theo nguyên tắc giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đối với các khoản cho vay

- Các khoản cho vay bao gồm các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

- Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.
- Việc phân loại các khoản phải thu là khoản phải thu khách hàng và khoản phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

+ Phải thu khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

+ Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

- Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

+ Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

+ Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến tổn thất để lập dự phòng..

- Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho

- Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : không trích lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian (năm)
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí phải trả ngắn hạn hay dài hạn được trình bày trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoản thời gian trả trước của chi phí tương ứng với lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

9. Lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%

Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 1,5%

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 1%

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu có được ghi nhận theo số vốn thực góp.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

a. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

b. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán "Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm" để điều chỉnh doanh thu

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

- Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Ghi nhận đầy đủ chi phí lãi vay (kể cả số trích trước), lỗ chênh lệch tỷ giá của kỳ báo cáo.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận đầy đủ.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	4.754.246.883	-
Tiền gửi ngân hàng	3.926.130.037	-
Tổng cộng	**8.680.376.920**	**-**

2. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
_ Phí bảo hiểm thu hộ doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm ở nước ngoài	*30.365.913*	-
Dài hạn		
_ Đặt cọc tiền thuê văn phòng 29LS	150.000.000	-
_ Phải thu khác	-	*8.000.000.000*
Tổng cộng	**180.365.913**	**8.000.000.000**

3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	89.090.909	-
Tổng cộng	**89.090.909**	**-**

4. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ	48.692.441	-
Phí thuê văn phòng	111.111.112	-
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	280.543.987	-
Tổng cộng	**440.347.540**	**-**

5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	-	127.172.727	-	127.172.727
Tổng	**-**	**127.172.727**	**-**	**127.172.727**
Khấu hao lũy kế				
Thiết bị dụng cụ quản lý	-	10.545.325		10.545.325
Tổng	**-**	**10.545.325**	**-**	**10.545.325**
Giá trị còn lại				
Thiết bị dụng cụ quản lý	-			116.627.402
Tổng	**-**	**-**	**-**	**116.627.402**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (*)

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
Thuế GTGT phải nộp	-	18.399.815	-	18.399.815
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	203.058.755	-	203.058.755
Thuế thu nhập cá nhân	-	274.612.696	42.436.500	232.176.196
Thuế khác	-	50.857.117	34.190.449	16.666.668
Tổng cộng	**-**	**546.928.383**	**76.626.949**	**470.301.434**

(*) Giá trị âm thể hiện số thuế nộp thừa.

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế khác : Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

7. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê xe ô tô	100.000.000	-
Chi phí tư vấn	111.111.111	-
Các khoản trích trước khác	5.697.271	-
Tổng cộng	**216.808.382**	**-**

8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	7.560.000	-
Tổng cộng	**7.560.000**	**-**

9. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (CSH) năm trước

Khoản mục	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa pp	-	-	-	-
Tổng cộng	**-**	**8.000.000.000**	**-**	**8.000.000.000**

b. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (CSH) năm nay

Khoản mục	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	8.000.000.000	-	-	8.000.000.000
Quỹ dự trữ bắt buộc	-	40.620.163	-	40.620.163
Lợi nhuận sau thuế chưa pp	-	812.403.264	40.620.163	771.783.101
Tổng cộng	**8.000.000.000**	**853.023.427**	**40.620.163**	**8.812.403.264**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chi tiết các thành viên góp vốn tại ngày 31/12/2022

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Lê Vũ Hoài Hương	3.200.000.000	3.200.000.000
Bà Nguyễn Thùy Dung	3.200.000.000	3.200.000.000
Ông Lê Sơn	1.600.000.000	1.600.000.000
Tổng cộng	**8.000.000.000**	**8.000.000.000**

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	800.000	800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	800.000	800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	800.000	800.000
Số lượng cổ phiếu được quyền chào bán	800.000	800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	800.000	800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	800.000	800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	800.000	800.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ dự trữ bắt buộc	40.620.163	-
Tổng cộng	**40.620.163**	**-**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

Đơn vị tính : VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.663.789.399	-
Tổng cộng	**4.663.789.399**	**-**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	936.280.000	-
Tổng cộng	**936.280.000**	**-**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	9.742.841	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kì	97.265.110	
Tổng cộng	**107.007.951**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	123.292.947	-
Tổng cộng	**123.292.947**	**-**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	833.240.000	-
Chi phí vật liệu quản lý	-	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	36.280.287	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.545.325	-
Thuế, phí và lệ phí	2.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.670.235.929	-
Chi phí quản lý khác	143.298.593	-
Tổng cộng	**2.695.600.134**	**-**

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**1.015.528.118**	**-**
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	96.151	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	96.151	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	**1.015.624.269**	**-**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	203.124.854	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**203.124.854**	**-**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán, lập Báo cáo tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh thêm trong Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Cẩm Thi	Đỗ Thị Cẩm Thi	Cao Bá Huy